

CÔNG TY TNHH CÔNG NGHỆ NÔNG NGHIỆP HỮU CƠ XỨ SỞ ĐỀ MÈN
CÔNG BỐ NỘI DUNG ĐĂNG KÝ THÀNH LẬP MỚI

1. Tên công ty

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY TNHH CÔNG NGHỆ NÔNG NGHIỆP HỮU CƠ XỨ SỞ ĐỀ MÈN

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: CRICKET LAND ORGANIC AGRICULTURE TECHNOLOGY COMPANY LIMITED

Tên công ty viết tắt: XỨ SỞ ĐỀ MÈN

2. Mã số doanh nghiệp: 0107987533

3. Ngày thành lập: 07/09/2017

4. Địa chỉ trụ sở chính:

Tầng 8 tòa nhà SUDICO, đường Mỹ Trì, Phường Mỹ Đình 1, Quận Nam Từ Liêm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại: 024 37853811

Fax: 024 37853812

Email:

Website:

5. Ngành, nghề kinh doanh:

STT	Tên ngành	Mã ngành
1.	Chăn nuôi lợn	0145
2.	Chăn nuôi khác Chi tiết: - Nuôi và tạo giống các con vật nuôi trong nhà, các con vật nuôi khác kể cả các con vật cảnh (trừ cá cảnh): chó, mèo, thỏ, bò sát, côn trùng; - Nuôi ong và sản xuất mật ong; - Nuôi tằm, sản xuất kén tằm; - Sản xuất da lông thú, da bò sát từ hoạt động chăn nuôi.	0149
3.	Bán lẻ đồ uống trong các cửa hàng chuyên doanh	4723
4.	Bán lẻ thảm, đệm, chăn, màn, rèm, vật liệu phủ tường và sàn trong các cửa hàng chuyên doanh	4753
5.	Trồng cây ăn quả	0121
6.	Trồng cây điều	0123
7.	Trồng cây lâu năm khác	0129
8.	Chăn nuôi dê, cừu	0144
9.	Trồng trọt, chăn nuôi hỗn hợp	0150
10.	Hoạt động dịch vụ trồng trọt	0161
11.	Hoạt động dịch vụ chăn nuôi	0162
12.	Chế biến, bảo quản thịt và các sản phẩm từ thịt	1010
13.	Chế biến, bảo quản thủy sản và các sản phẩm từ thủy sản	1020
14.	Chế biến và bảo quản rau quả	1030
15.	Sản xuất dầu, mỡ động, thực vật	1040
16.	Sản xuất các loại bánh từ bột	1071

17.	Sản xuất đường	1072
18.	Bán lẻ lương thực, thực phẩm, đồ uống, thuốc lá, thuốc láo chiếm tỷ trọng lớn trong các cửa hàng kinh doanh tổng hợp	4711
19.	Bán lẻ khác trong các cửa hàng kinh doanh tổng hợp	4719
20.	Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động	5610
21.	Cung cấp dịch vụ ăn uống theo hợp đồng không thường xuyên với khách hàng (phục vụ tiệc, hội họp, đám cưới...)	5621
22.	Dịch vụ ăn uống khác (Trừ cung cấp suất ăn hàng không)	5629
23.	Dịch vụ phục vụ đồ uống	5630
24.	Quảng cáo	7310
25.	Tổ chức giới thiệu và xúc tiến thương mại	8230
26.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu Chi tiết: Xuất nhập khẩu các mặt hàng công ty kinh doanh	8299
27.	Bán lẻ theo yêu cầu đặt hàng qua bưu điện hoặc internet	4791
28.	Đại lý, môi giới, đấu giá Chi tiết: Đại lý	4610
29.	Nhân và chăm sóc cây giống nông nghiệp	0130
30.	Sản xuất ca cao, sôcôla và mứt kẹo	1073
31.	Hoạt động chuyên môn, khoa học và công nghệ khác chưa được phân vào đâu Chi tiết: - Tư vấn về nông học; - Tư vấn về môi trường; - Tư vấn về công nghệ khác; - Hoạt động tư vấn khác trừ tư vấn kiến trúc, kỹ thuật và quản lý; - Kinh doanh dịch vụ chứng nhận sản phẩm, hệ thống quản lý	7490
32.	Trồng lúa	0111
33.	Trồng ngô và cây lương thực có hạt khác Chi tiết: Ngô, lúa mỳ, lúa mạch, cao lương, kê	0112
34.	Trồng cây lấy củ có chất bột	0113
35.	Trồng cây mía	0114
36.	Trồng cây lấy sợi	0116
37.	Trồng cây có hạt chứa dầu	0117
38.	Trồng rau, đậu các loại và trồng hoa, cây cảnh	0118
39.	Trồng cây hàng năm khác	0119
40.	Trồng cây lấy quả chứa dầu	0122
41.	Chăn nuôi trâu, bò	0141
42.	Chăn nuôi ngựa, lừa, la	0142
43.	Chăn nuôi gia cầm	0146

44.	Bán buôn gạo	4631
45.	Bán buôn tổng hợp	4690
46.	Bán lẻ lương thực trong các cửa hàng chuyên doanh	4721
47.	Bán lẻ thực phẩm trong các cửa hàng chuyên doanh	4722
48.	Bán lẻ hàng may mặc, giày dép, hàng da và giả da trong các cửa hàng chuyên doanh	4771
49.	Bán lẻ hàng hóa khác mới trong các cửa hàng chuyên doanh	4773
50.	Sản xuất mì ống, mỳ sợi và sản phẩm tương tự	1074
51.	Sản xuất món ăn, thức ăn chế biến sẵn	1075
52.	Hoạt động dịch vụ sau thu hoạch	0163
53.	Chế biến sữa và các sản phẩm từ sữa	1050
54.	Xay xát và sản xuất bột thô	1061
55.	Sản xuất tinh bột và các sản phẩm từ tinh bột	1062
56.	Sản xuất thực phẩm khác chưa được phân vào đâu	1079
57.	Sản xuất đồ uống không cồn, nước khoáng	1104
58.	Bán buôn nông, lâm sản nguyên liệu (trừ gỗ, tre, nứa) và động vật sống	4620(Chính)
59.	Bán buôn thực phẩm	4632
60.	Bán buôn đồ uống	4633

6. Vốn điều lệ: 5.000.000.000 VNĐ

7. Danh sách thành viên góp vốn:

STT	Tên thành viên	Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức	Giá trị vốn góp (VNĐ)	Tỷ lệ (%)	Số CMND (hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác) đối với cá nhân; Mã số doanh nghiệp đối với doanh nghiệp; Số Quyết định thành lập đối với tổ chức	Ghi chú
1	NGUYỄN HỒNG LONG	Nhà số 1, ngách 5/20, đường Liên Cơ, tổ 1, Phường Cầu Diễn, Quận Nam Từ Liêm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam	3.000.000.000	60,000	B6501723	
2	HOÀNG QUYẾT TIẾN	Số nhà 25 C, đường Nguyễn Ngọc Vũ, tổ 32, B2, Phường Trung Hoà, Quận Cầu Giấy, Thành phố Hà Nội, Việt Nam	2.000.000.000	40,000	012515690	

8. Người đại diện theo pháp luật:

* Họ và tên: NGUYỄN HỒNG LONG

Giới tính: *Nam*

Chức danh: *Giám đốc*

Sinh ngày: *18/01/1970*

Dân tộc: *Kinh*

Quốc tịch: *Việt Nam*

Loại giấy tờ chứng thực cá nhân: *Hộ chiếu Việt Nam*

Số giấy chứng thực cá nhân: *B6501723*

Ngày cấp: *12/04/2012*

Nơi cấp: *Cục quản lý xuất nhập cảnh*

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: *Nhà số 1, ngách 5/20, đường Liên Cơ, tổ 1, Phường Cầu Diễn, Quận Nam Từ Liêm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam*

Chỗ ở hiện tại: *Nhà số 1, ngách 5/20, đường Liên Cơ, tổ 1, Phường Cầu Diễn, Quận Nam Từ Liêm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam*

9. Nơi đăng ký: *Phòng Đăng ký kinh doanh Thành phố Hà Nội*